

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TMDV NGUYỄN ĐĂNG KHOA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TMDV NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN DANG KHOA TMDV INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGUYEN DANG KHOA TMDV INVESTMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703151488

**3. Ngày thành lập:** 30/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lầu 2, Toà nhà Becamex Bình Dương - 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0328 308 214

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống nước chữa cháy, khí chữa cháy<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4530        |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4541        |
| 5.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4542        |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4543        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                       | 4620        |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632(Chính) |
| 9.  | Bán buôn đồ uống<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4634 |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị báo cháy                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy - chữa cháy<br>(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                          | 4659 |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong công nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su (không tồn trữ hóa chất) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động) | 4669 |
| 15. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0118 |
| 16. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0129 |
| 17. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0220 |
| 18. | Khai thác và thu gom than non<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0520 |
| 19. | Dịch vụ đóng gói<br>(trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8292 |
| 20. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)                                                                                                                                                            | 8559 |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6201 |
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                         | 6619 |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                             | 6810 |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế về phòng cháy chữa cháy. (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                              | 7110 |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)                                                                                                                                                       | 4690 |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 29. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                      | 1020 |
| 31. | Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                 | 1030 |
| 32. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở)                                      | 1392 |
| 33. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (không hoạt động tại trụ sở) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở) | 1410 |
| 34. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                               | 1512 |
| 35. | Sản xuất giày, dép (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                           | 1520 |
| 36. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                            | 1621 |
| 37. | In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan).                                                                                                                                     | 1811 |
| 38. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                  | 1812 |
| 39. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Trừ sản xuất và tồn trữ hóa chất tại trụ sở)                                                                                                      | 2023 |
| 40. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vôi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa. (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)          | 2220 |
| 41. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                           | 2394 |
| 42. | Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                     | 2410 |
| 43. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                    | 2620 |
| 44. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 45. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát (trừ quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).                                                                                                                 | 5630 |
| 46. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                | 7820 |
| 47. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài)                                                                         | 7830 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 48. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                  | 7990                                                                |
| 49. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác.                                                                                                                                                                                     | 8130                                                                |
| 50. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100                                                                |
| 51. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                        | 3315                                                                |
| 52. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3830                                                                |
| 53. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                    | 4321                                                                |
| 54. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4753                                                                |
| 55. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(có nội dung được phép lưu hành).                                                                                                                                                                                                        | 4761                                                                |
| 56. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                           | 4762                                                                |
| 57. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                           | 4763                                                                |
| 58. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội).                                                                                                                                          | 4764                                                                |
| 59. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động. (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở) | 4773                                                                |
| 60. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                       | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/07/1999 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083099000085

Ngày cấp: 21/09/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 36/31 Đường 10, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36/31 Đường 10, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/07/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083099000085

Ngày cấp: 21/09/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 36/31 Đường 10, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36/31 Đường 10, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương